

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-ST
Ngày: 29-3-2021
V/v tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Văn Điệp.

Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 637/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Phước T, sinh năm 1970 và bà Lê Thị H (tên gọi khác: Nương), sinh năm 1977 (vợ ông T).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Ch (tên gọi khác: Trần Văn Tr) và bà Nguyễn Thúy M (vợ ông Ch).

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông T, bà H có mặt; ông Ch, bà M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 11 năm 2020, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện nguyên đơn ông Trần Phước T và bà Lê Thị H trình bày yêu cầu khởi kiện:

Từ năm 2017 đến năm 2018 ông T, bà H (N) có làm chủ hội ở địa phương và vợ chồng ông Ch, bà M có tham gia chơi hội, loại hội ai bỏ thăm cao thì được hốt hội, chủ hội được hưởng hoa hồng (tiền cò), cụ thể:

- Dây hội khui ngày 10/8/2017 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, 06 tháng khui 01 lần, gồm có 16 chân (16 người tham gia), ông Ch và bà M tham gia 01 chân, đã hốt hội kỳ đầu. Sau khi hốt hội thì ông Ch và bà M không có đóng hội chết nên tính đến ngày khởi kiện 13/11/2020 dương lịch thì ông Ch và bà M có nợ 06 kỳ hội chết bằng 30.000.000 đồng. Do dây hội này chưa mãn nên chỉ tính đến ngày khởi kiện.

- Dây hội khui ngày 10/9/2017 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần, gồm có 21 chân (21 người tham gia), ông Ch và bà M tham gia 01 chân, đã hốt hội kỳ đầu. Sau khi hốt hội thì ông Ch và bà M không có đóng hội chết nên tính đến ngày khởi kiện 13/11/2020 dương lịch thì ông Ch và bà M có nợ 12 kỳ hội chết bằng 60.000.000 đồng. Do dây hội này chưa mãn nên chỉ tính đến ngày khởi kiện.

- Dây hội khui ngày 10/8/2017 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần, gồm có 16 chân (16 người tham gia), ông Ch và bà M tham gia 01 chân, đã hốt hội kỳ đầu. Sau khi hốt hội thì ông Ch và bà M không có đóng hội chết nên tính đến ngày khởi kiện 13/11/2020 dương lịch thì ông Ch và bà M có nợ 05 kỳ hội chết bằng 25.000.000 đồng (đúng ra là nợ 06 kỳ = 30.000.000 đồng, nhưng do lúc đánh đơn khởi kiện đánh nhầm có 05 kỳ nên nay chỉ tính 05 kỳ hội chết bằng 25.000.000 đồng). Do dây hội này chưa mãn nên chỉ tính đến ngày khởi kiện.

Như vậy, tổng cộng nợ tiền hội chết của 03 chân hội trong 03 dây hội nói trên tính đến ngày khởi kiện 13/11/2020 dương lịch thì ông Ch và bà M có nợ tổng cộng là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng).

Từ những lý do nêu trên, ông T và bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ch và bà M cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền hội chết còn nợ tính đến ngày khởi kiện là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng).

Bị đơn ông Ch và bà M, Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà ông Ch và bà M không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp và phiên hòa giải 02 lần nhưng ông Ch và bà M không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông T và bà H vẫn bảo lưu yêu cầu vợ chồng ông Ch và bà M cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền hui chết còn nợ tính đến ngày khởi kiện là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng) như đã trình bày trên.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:***Về thủ tục tố tụng:***

Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là vợ chồng ông Ch và bà M.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật: Ông T và bà H khởi kiện vợ chồng ông Ch và bà M nợ tiền hui nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hui.

[2] Áp dụng pháp luật: Tòa án thụ lý ngày 13 tháng 11 năm 2020 nên áp dụng Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biểu, phường để giải quyết; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H đối với vợ chồng ông Ch và bà M: Ông T và bà H yêu cầu vợ chồng ông Ch và bà M cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền hui chết còn nợ tính đến ngày khởi kiện là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng), đây là tiền hui chết của 03 chân hui trong 03 dây hui khai ngày 10/8/2017 âm lịch, ngày 10/9/2017 âm lịch và ngày 10/8/2017 âm lịch, loại hui 5.000.000 đồng. Xét thấy, việc vợ chồng ông Ch, bà M có tham gia chơi hui do ông T, bà H làm chủ hui và đã hốt hui và còn nợ tiền hui chết là thực tế có xảy ra vì vợ chồng ông Ch, bà M có làm biên nhận, nhận số tiền hốt hui của 03 chân hui (bút lục số 06, 07, 08). Mặt khác, phía bị đơn vợ chồng ông Ch, bà M Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà vợ chồng ông Ch, bà M không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối việc khởi kiện của ông T, bà H và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nên được xem là chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Như vậy, có cơ sở xác định vợ chồng ông Ch và bà M sau khi hốt hui không đóng hui chết đầy đủ cho ông T và bà H nên ông T và bà H khởi kiện là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ. Đối với những kỳ hui chết còn lại trong 03 dây hui phát sinh kể từ sau khi khởi kiện

ngày 13/11/2020 dương lịch cho đến khi mãn hạn thì ông T và bà H có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác.

Kể từ ngày ông T và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông Ch và bà M chậm thanh toán tiền thì hàng tháng vợ chồng ông Ch và bà M còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H được chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng ông Ch và bà M phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền 115.000.000 đồng là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

Ông T và bà H không phải chịu án phí, ông T và bà H có dự nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147, 264, 266, 267, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước T và bà Lê Thị H về việc khởi kiện vợ chồng ông Trần Văn Ch và bà Nguyễn Thúy M yêu cầu thanh toán tiền hội. Buộc vợ chồng ông Ch và bà M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông T và bà H số tiền hội chết còn nợ tính đến ngày khởi kiện ngày 13/11/2020 dương lịch là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông T và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông Ch và bà M chậm thanh toán tiền thì hàng tháng vợ chồng ông Ch và bà M còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% ông Ch và bà M phải có trách nhiệm liên đới chịu nộp là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

Ông T và bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông T và bà H có dự nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 2.875.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004286 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự.
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo